

Số: /QĐ-BNN-KHCN

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với  
nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ sử dụng ngân sách nhà nước  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thông tư số 23/2021/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 18/2015/TT-BNNPTNT quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 6 năm 2023 và thay thế Quyết định số 3869/QĐ-BNN-KHCN ngày 28 tháng 9 năm 2015 và Quyết định số 2580/QĐ-BNN-KHCN ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHCN (KTD.20bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Phùng Đức Tiến**

**QUY ĐỊNH**  
**MỘT SỐ NỘI DUNG, ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỐI**  
**VỚI NHIỆM VỤ KHCN CẤP BỘ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-KHCN ngày tháng năm 2023*  
*của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**Phần I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1.1. Quyết định này quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là nhiệm vụ KHCN) cấp Bộ sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ KHCN và các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KHCN có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**2. Nguyên tắc áp dụng**

2.1. Các định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Quyết định này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ KHCN cấp Bộ.

2.2. Các nội dung, định mức xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại các Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành của nhà nước.

**Phần II**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**1. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Bộ**

1.1. Định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ (DM<sub>CN</sub>) KHCN cấp Bộ tối đa không quá 30 triệu đồng/người/tháng. Định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN tiềm năng cấp Bộ tối đa không quá 20 triệu đồng/người/tháng.

1.2. Định mức chi thù lao đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Bộ thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023

của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ KH-CN có sử dụng ngân sách nhà nước, trong đó áp dụng định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ (DM<sub>CN</sub>) quy định tại mục 1.1 Quyết định này.

1.3. Định mức chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| <b>TT</b> | <b>Chức danh</b>   | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Định mức chi</b> |
|-----------|--|--------------------|---------------------|
| 1         | Người chủ trì Hội thảo   | Buổi               | 2.000               |
| 2         | Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học   | Buổi               | 500                 |
| 3         | Báo cáo viên viết bài và trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học                   | 01 báo cáo         | 2.000               |
| 4         | Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo | 01 báo cáo         | 1.000               |
| 5         | Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học                                      | Buổi               | 200                 |

1.4. Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH-CN cấp Bộ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH-CN cấp Bộ được quy định tại mục 2.1 Quyết định này.

1.5. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH-CN cấp Bộ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH-CN để đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH-CN tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH-CN cấp Bộ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH-CN cấp Bộ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 250 triệu đồng/nhiệm vụ.

## **2. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ KH-CN cấp Bộ**

2.1. Định mức chi tiền thù lao thành viên tham gia các Hội đồng tư vấn KH-CN cấp Bộ như sau:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| <b>TT</b> | <b>Nội dung công việc</b>                              | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Định mức chi</b> |
|-----------|--|--------------------|---------------------|
| <b>1</b>  | <b>Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH-CN cấp Bộ</b>       |                    |                     |
| a         | Chi hợp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH-CN cấp Bộ | Hội đồng           |                     |

| <b>TT</b> | <b>Nội dung công việc</b>   | <b>Đơn vị tính</b>         | <b>Định mức chi</b> |
|-----------|---|----------------------------|---------------------|
|           | Chủ tịch hội đồng   |                            | 1.100               |
|           | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng  |                            | 750                 |
|           | Thư ký khoa học   |                            | 250                 |
|           | Thư ký hành chính   |                            | 250                 |
|           | Đại biểu được mời tham dự   |                            | 200                 |
| b         | Chi nhận xét đánh giá   | 01 phiếu nhận xét đánh giá |                     |
|           | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng  |                            | 350                 |
|           | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng  |                            | 500                 |
| c         | Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện                      | Nhiệm vụ                   |                     |
|           | Chủ tịch hội đồng   |                            | 500                 |
|           | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng  |                            | 350                 |
| <b>2</b>  | <b>Chi tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KHCN cấp Bộ</b>        |                            |                     |
| a         | Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ | Hội đồng                   |                     |
|           | Chủ tịch hội đồng   |                            | 1.350               |
|           | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng  |                            | 1.100               |
|           | Thư ký khoa học   |                            | 250                 |
|           | Thư ký hành chính   |                            | 250                 |
|           | Đại biểu được mời tham dự   |                            | 200                 |
| b         | Chi nhận xét đánh giá nhiệm vụ KHCN cấp Bộ  | 01 phiếu nhận xét đánh giá |                     |
|           | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng  |                            | 500                 |
|           | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng  |                            | 750                 |

| <b>TT</b> | <b>Nội dung công việc</b>   | <b>Đơn vị tính</b>         | <b>Định mức chi</b> |
|-----------|---|----------------------------|---------------------|
| c         | Chi nhận xét đánh giá đề tài KHCN tiềm năng cấp Bộ                            | 01 phiếu nhận xét đánh giá |                     |
|           | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng  |                            | 500                 |
|           | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng                        |                            | 750                 |
| <b>3</b>  | <b>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KHCN cấp Bộ</b>         |                            |                     |
| a         | Chi họp Hội đồng nghiệm thu   | Nhiệm vụ                   |                     |
|           | Chủ tịch hội đồng   |                            | 1.350               |
|           | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng                                    |                            | 1.100               |
|           | Thư ký khoa học   |                            | 250                 |
|           | Thư ký hành chính   |                            | 250                 |
|           | Đại biểu được mời tham dự   |                            | 200                 |
| b         | Chi nhận xét đánh giá   | 01 phiếu nhận xét đánh giá |                     |
|           | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng  |                            | 500                 |
|           | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng                        |                            | 750                 |
| <b>4</b>  | <b>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức đề tài KHCN tiềm năng cấp Bộ</b> |                            |                     |
| a         | Chi họp Hội đồng nghiệm thu   | Nhiệm vụ                   |                     |
|           | Chủ tịch hội đồng   |                            | 900                 |
|           | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng                                    |                            | 750                 |
|           | Thư ký khoa học   |                            | 250                 |
|           | Thư ký hành chính   |                            | 250                 |
|           | Đại biểu được mời tham dự   |                            | 200                 |
| b         | Chi nhận xét đánh giá   | 01 phiếu nhận xét đánh giá |                     |
|           | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng  |                            | 350                 |

| <b>TT</b> | <b>Nội dung công việc</b>   | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Định mức chi</b> |
|-----------|---|--------------------|---------------------|
|           | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng                                    |                    | 500                 |
| <b>5</b>  | <b>Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng</b> | Chuyên gia         | 1.100               |

2.2. Định mức chi tiền thù lao thành viên tham gia tổ thẩm định nội dung và kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Bộ như sau:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| <b>TT</b> | <b>Nội dung công việc</b>  | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Định mức chi</b> |
|-----------|--|--------------------|---------------------|
| <b>1</b>  | <b>Chi thẩm định nội dung và kinh phí nhiệm vụ KHCN cấp Bộ</b>         |                    |                     |
|           | Tổ trưởng tổ thẩm định   | Nhiệm vụ           | 700                 |
|           | Thành viên tổ thẩm định  | Nhiệm vụ           | 500                 |
|           | Thư ký hành chính  | Nhiệm vụ           | 250                 |
|           | Đại biểu được mời tham dự  | Nhiệm vụ           | 200                 |
| <b>2</b>  | <b>Chi thẩm định nội dung và kinh phí đề tài KHCN tiềm năng cấp Bộ</b> |                    |                     |
|           | Tổ trưởng tổ thẩm định   | Nhiệm vụ           | 500                 |
|           | Thành viên tổ thẩm định  | Nhiệm vụ           | 350                 |
|           | Thư ký hành chính  | Nhiệm vụ           | 250                 |
|           | Đại biểu được mời tham dự  | Nhiệm vụ           | 200                 |